

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày 30/9/2024

Về việc: “*Tranh chấp hợp
đồng cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông Đinh Xuân Thủy – Bà Hoàng Thị Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST- DS, ngày 09/7/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 30/8/2024 và theo quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S có ngay ; địa chỉ trụ sở: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Đại diện theo pháp luật Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay theo giấy ủy quyền số 446/2024/UQ-SVN ngày 15/3/2024; Địa chỉ: Tổ A, Phường X, Thành phố L, tỉnh Lào Cai. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lò Văn T1, sinh năm 2001; Địa chỉ: bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024, bản tự khai và bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn như sau:

Ngày 23/12/2023 ông Lò Văn T1 có đến Chi Nhánh L - L - Công Ty Cổ phần S có ngay (sau đây viết tắt là Công ty) làm hợp đồng cầm cố xe máy số hợp đồng: L4M231201001NA19X với số tiền là 12,870,000 VNĐ (mười hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), thời gian cầm cố 06 tháng, gốc và lãi trả vào ngày 23 hàng tháng theo quy định trong Hợp đồng cầm cố. Do có nhu cầu đi lại, ông Lò Văn T1 đã đề nghị được mượn lại chiếc xe, công ty đã đồng ý và chấp thuận theo

nội dung trong giấy mượn xe tại bộ Hợp đồng cầm cố. Tài sản nêu trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ số: 1528676610 đăng ký giao dịch số theo Hợp đồng cầm cố số L4M231201001NA19X ngày 23/12/2023 tại trang web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn> Trong quá trình vay vốn từ ngày 23/01/2024 Lò Văn T1 bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký. Số tiền đã trả đến ngày 05/07/2024 là: 0 đồng. Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số L4M231201001NA19X ngày 23/12/2023, thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 23/12/2023 đến ngày 23/6/2024, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền. Công ty đã nhiều lần nhắc nợ đôn đốc nhưng đến nay nhưng Lò Văn T1 vẫn không thanh toán nợ vay cho Công ty, tính đến ngày 05/07/2024 là: 19.260.038,05 VNĐ, trong đó: Nợ gốc là: 12.870.000 đồng, Nợ lãi là: 730.252,05 VNĐ và tiền lãi, phí phát sinh phát sinh theo hợp đồng cầm cố là: 5.659.786 VNĐ theo giấy mượn xe.

Hơn nữa chiếc xe này đã cầm cố, phía ông T1 đã mượn lại chúng tôi trong thời hạn 01 tháng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chúng tôi làm Đơn khởi kiện này gửi đến Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu với yêu cầu cụ thể như sau:

Buộc Ông Lò Văn T1 phải có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 19.260.038,05 VNĐ cho Công Ty. Ngày 10/7/2024 Công ty cổ phần S1 tiền có ngay cung cấp bản trình bày ý kiến cho Tòa án với nội dung như sau: **Số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện (05/07/2024) theo quy định hợp đồng là: 19.490.936,708 VNĐ bao gồm:**

+ Số tiền gốc: 12.870.000 đồng.

+ Lãi vay đúng hạn: $12.870.000 \times 1,1\% = 141.570$ đồng.

+ Lãi vay quá hạn: $12.870.000 \times 1,65\% \times 5 = 1.109.467,858$ đồng

$12.870.000 \times 1,65\% \times 12/30$ (ngày) = 93.198,850 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại vi phạm quá hạn trả nợ theo HĐ 8%: $12.870.000 \times 8\% = 1.029.600$ đồng

+ Phí mượn xe: $643.500 \times 6 = 3.861.000$ đồng.

+ Phí quản lý hồ sơ cố định: $12.870.000 \times 0,5\% = 386.100$ đồng.

Do trong quá trình Công ty khởi kiện tính toán chưa đầy đủ. Số tiền trên đây có chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu. Tuy nhiên Công ty chúng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên buộc ông Lò Văn T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho chúng tôi số tiền nợ gốc và lãi cùng các khoản phát sinh đúng theo đơn khởi kiện mà không có thay đổi gì khác là: 19.260.038,05 VNĐ (trong đó tiền gốc: 12.870.000 VNĐ; lãi trong hạn 141.570.000 VNĐ; lãi quá hạn 1.202.666,708 VNĐ và các khoản phát sinh 5.045.801,340 VNĐ). Ngoài ra, Công ty không yêu cầu ông T1 phải thanh toán bất kỳ khoản phát sinh nào khác cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ cho ông **Lò Văn T1** từ khi thụ lý vụ án để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn ông **Lò Văn T1** không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được, đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

* Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công Ty có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không yêu cầu bị đơn **Lò Văn T1** phải thực hiện hoàn trả thêm khoản tiền lãi phát sinh đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn **Lò Văn T1** đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu phản tố trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố, bị đơn có địa chỉ thường trú tại **bản K, xã T** nên Tòa án huyện Than Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông **Lò Văn T1** vắng mặt không có lý do.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 309, 311, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công Ty cổ phần S** có ngay. Buộc ông **Lò Văn T1** có nghĩa vụ phải trả cả gốc lẫn lãi và các khoản phát sinh tính đến ngày Công ty viết đơn khởi kiện (05/7/2024) thông qua hợp đồng cầm cố tài sản đối với khoản tiền 19.260.038,05 VNĐ (Bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm ba mươi tám phẩy không năm đồng) cho Công Ty.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Lò Văn T1** có địa chỉ tại: **bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn Công ty khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Lò Văn T1** phải có nghĩa vụ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 19.260.038,05 VNĐ (Bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm ba mươi tám phẩy không năm đồng). Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; tranh chấp phát sinh giữa tổ chức và cá nhân, đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ; đề nghị không tiến hành hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn ông **Lò Văn T1** không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn ông **T1** và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng ông **T1** vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập.

Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, qua tra hệ thống Dữ liệu dân sự và hồ sơ lưu trữ, **Công an xã T** xác minh kết quả như sau: “Anh **Lò Văn T1**, sinh ngày 01/01/2001. Có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu**, hiện nay chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Tại thời điểm thông báo ông **T1** không có mặt tại địa phương”. Qua BB xác minh ngày 02/6/2024 tại gia đình bị đơn **Lò Văn T1**, ở **bản K, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu**, bà **Lò Thị P** là vợ ông **T1** cho biết bị đơn **Lò Văn T1** hiện đang làm việc tại Hà Nội, bị đơn **T1** thỉnh thoảng vẫn gọi điện về hỏi thăm gia đình. Ông **T1** có biết việc Tòa án triệu tập và niêm yết công khai các văn bản, quyết định, thông báo tố tụng, tuy nhiên bị đơn **T1** đều vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc của Tòa án.

Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 30/8/2024 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn ông **T1** cư trú. Ngày 13/9/2024 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn ông **T1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn

cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 30/9/2024 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại bản Khem, xã T Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng cầm cố:

Vào ngày 23/12/2023 tại Chi Nhánh L - L - Công Ty TNHH S2 (sau đây viết tắt là Công ty) làm hợp đồng cầm cố xe máy số hợp đồng: L4M231201001NA19X – Công ty đã giải ngân cho Ông Lò Văn T1 số tiền cầm cố cụ thể: 12.870.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Và Chi Nhánh L - L - Công Ty nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số L4M231201001NA19X với tài sản cầm cố là chiếc xe máy: YAMAHA EXCITER mang biển số 25T1-131.71, số khung: RLCUG1010JY069261, số máy: G3D4E835701, thuộc quyền sở hữu của ông Lò Văn T1 thể hiện ở Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007525 ngày 25/3/2019. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T1 không trả tiền gốc cho Công ty khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc Công ty khởi kiện là có căn cứ. Đồng thời, Công ty yêu cầu Lò Văn T1 phải hoàn trả số tiền 19.260.038,05 VNĐ bao gồm tiền gốc, tiền lãi và các phí phát sinh trong hợp đồng tính đến thời điểm khởi kiện 05/7/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã yêu cầu Công ty giải trình các khoản lãi, phí phát sinh theo hợp đồng, mặc dù tại bản trình bày ý kiến của mình Công ty T2 có sự chênh lệch về số tiền gốc, lãi và phí phát sinh tăng hơn là 19.490.936,708 VNĐ so với phạm vi đơn khởi kiện ban đầu, do công ty khi khởi kiện tính toán các khoản phát sinh chưa đầy đủ. Tuy nhiên, Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên chỉ giải quyết buộc Lò Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 19.260.038,05 VNĐ số tiền chênh lệch tăng lên công ty không có yêu cầu thay đổi và công ty cũng không có yêu cầu gì khác là phù hợp nên cần chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử buộc ông Lò Văn T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty là 19.260.038,05 VNĐ (trong đó tiền gốc: 12.870.000 VNĐ; lãi trong hạn 141.570.000 VNĐ; lãi quá hạn 1.202.666,708 VNĐ và các khoản phát sinh 5.045.801,340 VNĐ). Ngay sau khi ông T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì

Công ty có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của ông **Lò Văn T1** là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên bị đơn ông **Lò Văn T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền là: **19.260.038,05** đồng x 5% = **963.001,9** VNĐ .

Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty số tiền tạm ứng án phí 481.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000841 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Than Uyên.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện về việc giải quyết vụ án là có căn cứ đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g, khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 309, 311, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần S** có ngay
 - Buộc ông **Lò Văn T1** phải có trách nhiệm trả cho **Công ty cổ phần S** có ngay tổng số tiền gốc và lãi tính là: 19.260.038,05 VNĐ (*Bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm ba mươi tám phẩy không năm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Sau khi ông **Lò Văn T1** thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì **Công ty cổ phần S** có ngay có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy: Nhãn hiệu YAMAHA EXCITER mang biển số 25T1-131.71, số khung:

RLCUG1010JY069261, số máy: G3D4E835701, thuộc quyền sở hữu của ông **Lò Văn T1** thể hiện ở Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007525 ngày 25/3/2019.

3. Án phí: Bị đơn ông **Lò Văn T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 963.001,9 đồng. Ông **T1** chưa nộp.

Hoàn trả lại cho **Công ty cổ phần S** có ngay số tiền tạm ứng án phí 481.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000841 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Xuân Thủy

Hoàng Thị Anh

Lương Thị Mỹ Hằng